

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2026

DỰ THẢO

Ngày 16/3/2026



NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết một số điều của Luật Phục hồi, phá sản về không tạm dừng việc xử lý tài sản bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã đối với chủ nợ có tài sản bảo đảm, thanh toán hoặc bù trừ không bị coi là vô hiệu, không tạm đình chỉ, đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực, không phải báo cáo Thẩm phán trước khi thực hiện bù trừ nghĩa vụ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15;

Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15 ;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định chi tiết một số điều của Luật Phục hồi, phá sản về không tạm dừng việc xử lý tài sản bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã đối với chủ nợ có tài sản bảo đảm, thanh toán hoặc bù trừ không bị coi là vô hiệu, không tạm đình chỉ, đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực, không phải báo cáo Thẩm phán trước khi thực hiện bù trừ nghĩa vụ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết khoản 2 Điều 27, khoản 3 Điều 40, điểm c khoản 1 Điều 49, khoản 1 và khoản 5 Điều 51, khoản 1 Điều 53 của Luật Phục hồi, phá sản.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Hợp đồng phái sinh có điều khoản về thanh toán ròng được quy định tại Nghị định này và việc xác định khoản tiền ròng liên quan đến điều khoản về thanh toán ròng được thực hiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Việc xử lý kết quả bù trừ, bao gồm việc thanh toán phần giá trị tài sản chênh lệch sau khi xác định khoản tiền ròng quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản.

Điều 3. Trường hợp không tạm dừng việc xử lý tài sản bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã đối với chủ nợ có bảo đảm

Việc xử lý tài sản bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã đối với chủ nợ có bảo đảm trong hợp đồng phái sinh có điều khoản về thanh toán ròng không bị tạm dừng theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản.

Điều 4. Trường hợp thanh toán hoặc bù trừ không bị coi là vô hiệu

Việc thanh toán hoặc bù trừ theo hợp đồng phái sinh có điều khoản về thanh toán ròng không bị coi là vô hiệu theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản.

Điều 5. Trường hợp không tạm đình chỉ, đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực

Hợp đồng phái sinh có điều khoản về thanh toán ròng đang có hiệu lực không bị tạm đình chỉ, đình chỉ theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản.

Điều 6. Trường hợp không phải báo cáo Thẩm phán trước khi thực hiện bù trừ nghĩa vụ

1. Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không phải báo cáo Thẩm phán xem xét, cho ý kiến trước khi các bên có liên quan thực hiện bù trừ nghĩa vụ đối với hợp đồng phái sinh có điều khoản về thanh toán ròng.

2. Trường hợp sau khi bù trừ nghĩa vụ mà doanh nghiệp, hợp tác xã là bên có nghĩa vụ thanh toán thì chủ nợ gửi giấy đòi nợ kèm tài liệu, chứng cứ chứng minh về khoản nợ bao gồm cả cách tính toán khoản tiền ròng cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản theo quy định tại Điều 55 Luật Phục hồi, phá sản để thực hiện các thủ tục theo quy định tại Luật Phục hồi, phá sản.

3. Trường hợp sau khi bù trừ nghĩa vụ mà doanh nghiệp, hợp tác xã là bên được nhận thanh toán thì doanh nghiệp, hợp tác xã có nghĩa vụ kê khai giá trị khoản tiền ròng tại bảng kiểm kê tài sản, gửi bảng kê đã ghi nhận giá trị khoản tiền ròng kèm tài liệu, chứng cứ chứng minh về khoản nợ bao gồm cả cách tính toán khoản tiền ròng cho Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Tòa án.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc

Chính phủ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG